

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 1922 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 26 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án,
kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình
MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 07/2/2023 để hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện. Tuy nhiên, tại khoản 22, Điều 1, Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22.

Mặt khác, các địa phương, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh vẫn chưa tiếp tục triển khai được nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG chuyển nguồn từ năm 2022, và được phân bổ năm 2023 do chưa có Nghị quyết quy định của tỉnh theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Nếu không ban hành Nghị quyết thì không triển khai được nguồn vốn này theo thời hạn quy định.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, nhằm thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 38/2023/NĐ-CP, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG, qua đó tạo điều kiện cho các địa phương kịp thời triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG và thực hiện đạt mục tiêu của các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 đã đề ra.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình làm cơ sở triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đáp ứng điều kiện thực tế tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm tạo căn cứ pháp lý cho các địa phương triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng nguồn kinh phí được giao để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 2 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

b) Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

phủ; khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

1.1. Dự thảo Nghị quyết gồm có 07 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

Điều 4. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 2 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

b) Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2.3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

a) Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Phương thức hỗ trợ thực hiện theo khoản 12 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. *ev*

c) Những đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Nghị quyết này, nếu đang hưởng các hỗ trợ ưu đãi khác không trùng với nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này thì tiếp tục hưởng các hỗ trợ đó; nếu trùng với các nội dung hỗ trợ trong Nghị quyết này từ các nguồn ngân sách khác thì không xem xét hỗ trợ.

2.4. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Tối đa 400 triệu đồng/dự án, kế hoạch, phương án.

Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ hộ nghèo: Tối đa 14 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ cận nghèo: Tối đa 12 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo: Tối đa 10 triệu đồng/hộ (hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo).

Hỗ trợ cho người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); đối tượng sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: Tối đa 8 triệu đồng/hộ.

2.5. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí

a) Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của ngân sách tỉnh.

b) Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.6. Điều khoản chuyển tiếp

a) Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt trước thời điểm Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất triển khai sau thời điểm Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có hiệu lực thì thực hiện theo Nghị quyết này.

b) Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Nguồn lực thực hiện chính sách được phân bổ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Vì thế, nguồn kinh phí triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TNMT, TP, TC, KHĐT, LĐTĐBXH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lưu: VT, CVNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng 9 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 2 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp

luật có liên quan.

2. Phương thức hỗ trợ thực hiện theo khoản 12 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Những đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Nghị quyết này, nếu đang hưởng các hỗ trợ ưu đãi khác không trùng với nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này thì tiếp tục hưởng các hỗ trợ đó; nếu trùng với các nội dung hỗ trợ trong Nghị quyết này từ các nguồn ngân sách khác thì không xem xét hỗ trợ.

Điều 4. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Tối đa 400 triệu đồng/dự án, kế hoạch, phương án.

Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ hộ nghèo: Tối đa 14 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ cận nghèo: Tối đa 12 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo: Tối đa 10 triệu đồng/hộ (hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo).

Hỗ trợ cho người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); đối tượng sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: Tối đa 8 triệu đồng/hộ.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của ngân sách tỉnh.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt trước thời điểm Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất triển

khai sau thời điểm Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có hiệu lực thì thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NNPTNT, LĐTBXH, TC, KHĐT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH